

Số: 1496/QĐ-XPHC

Đồng Nai, ngày 09 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số: 07/BB-VPHC do Công chức Địa chính – Xây dựng xã Trung Hòa lập ngày 28 tháng 4 năm 2025; Biên bản làm việc ngày 28 tháng 4 năm 2025;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa tại Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 28 tháng 04 năm 2025 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân có tên sau đây:

Họ và tên: Nguyễn Văn Minh;

Giới tính: Nam.

Ngày, tháng, năm sinh: 01 tháng 01 năm 1963

Quốc tịch: Việt Nam

Nghề nghiệp: Kinh doanh

Nơi ở hiện tại: 1/83A, tổ 3, khu phố 8, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu: 075063004482, cấp ngày: 22 tháng 8 năm 2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

a) Hành vi vi phạm thứ nhất: Sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 121 của Luật đất đai cụ thể: “Chuyển đất trồng lúa nước còn lại sang đất nuôi trồng thủy sản” với diện tích 2.086,8 m² và “Chuyển đất trồng lúa nước còn lại sang đất ở” với diện tích 744,7 m² (gồm: Nhà ở công nhân, công trình phụ) trên đất trồng lúa.

b) Hành vi vi phạm thứ hai: Sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các điểm b khoản 1 Điều 121 của Luật đất đai cụ thể: “Chuyển đất trồng cây hàng năm khác sang đất phi nông nghiệp” với diện tích 6.973 m² (gồm: Nhà xưởng tiền chế, nhà kho, nhà bảo vệ, văn phòng làm việc, cơ sở sản xuất, đường giao thông, bãi chứa vật liệu, bể chứa nước thải) trên đất trồng cây hàng năm khác.

Cụ thể: Ông Nguyễn Văn Minh đã tổ chức xây dựng đưa vào sử dụng tại thửa đất 50, 51, 268 và một phần thửa đất số 32 tờ bản đồ địa chính số 20 xã Trung Hòa gồm:

- Công trình 1: Nhà văn phòng làm việc với diện tích 192,6 m². Kết cấu: tường gạch, nền gạch bông, mái tôn, có gắn la thông, cửa sắt kiếng, cao khoảng 4 m. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Công trình 2: Nhà bảo vệ với diện tích 16,2 m². Kết cấu: tường gạch, nền gạch bông, mái tôn, cửa sắt kiếng, cao khoảng 3 m. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Công trình 3: Nhà kho với diện tích 688,6 m². Kết cấu: Khung sắt, nền xi măng, cột sắt, mái tôn, cao khoảng 5 m. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Công trình 4: Nhà kho với diện tích 327 m². Kết cấu: Khung sắt, nền xi măng, cột sắt, mái tôn, cao khoảng 5 m. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Công trình 5: Đường bê tông với diện tích 1.110,3 m². Kết cấu: bê tông xi măng. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Công trình 6: Nhà kho tổng diện tích 411,7 m² gồm:

- + Kho chứa 01: Diện tích 98,9 m². Kết cấu: Khung sắt, nền xi măng, cột sắt, mái tôn, cao khoảng 4 m. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

+ Kho chứa 02: Diện tích 220,6 m². Kết cấu: Khung sắt, nền đá mi, cột sắt, mái tôn, cao khoảng 4 m. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2022.

+ Kho chứa 03: Diện tích 92,2 m². Kết cấu: Tường gạch, nền xi măng, cửa sắt, mái tôn, cao khoảng 4 m. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Công trình 7: Nhà xưởng với diện tích 2.804,1 m². Kết cấu: Khung sắt, cột sắt, kèo sắt, tường gạch, cao khoảng 5 mét, nền bê tông. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Công trình 8: Bãi chứa vật liệu với diện tích 598,7 m². Kết cấu: nền xi măng, tường gạch. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2016.

- Công trình 9: Bể chứa nước thải với diện tích 288 m². Kết cấu: nền xi măng, tường gạch. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2022.

- Công trình 10: Ao cá với diện tích 2.261,8 m² trong đó: diện tích vi phạm trên đất lúa là 2.086,8m². Thời gian vi phạm vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Công trình 11: Công trình phụ (nhà vệ sinh) với diện 18,1 m². Kết cấu: tường gạch, mái tôn. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Công trình 12: Nhà ở cho công nhân với tổng diện tích 726,6 m² gồm:

+ Nhà ở 01: Diện tích 250 m². Kết cấu: tường gạch, nền gạch bông, mái tôn, cửa sắt, cao khoảng 4 m. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

+ Nhà ở 02: Diện tích 476,6 m². Kết cấu: tường gạch, nền gạch bông, mái tôn, cửa sắt, cao khoảng 4 m. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Công trình 13: Đường nhựa với diện tích 527 m². Kết cấu: Nhựa đường. Thời gian xây dựng công trình vào ngày 01 tháng 01 năm 2018.

3. Quy định tại:

a) Hành vi vi phạm thứ nhất: Điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Hành vi vi phạm thứ hai: Điểm d khoản 3 Điều 8 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Hành vi vi phạm thứ ba: Điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.



5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, cụ thể:

Hành vi vi phạm thứ nhất: Phạt tiền với mức phạt tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hành vi vi phạm thứ hai: Phạt tiền với mức phạt tiền là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Hành vi vi phạm thứ ba: Phạt tiền với mức phạt tiền là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng)

Tổng số tiền phạt đối với ba hành vi vi phạm của ông Nguyễn Văn Minh là **162.500.000 đồng** (Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

b) Hình thức phạt bổ sung: không.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc ông Nguyễn Văn Minh khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Buộc ông Nguyễn Văn Minh nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với số tiền là **362.851.817 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi hai triệu tám trăm năm mươi một nghìn tám trăm mười bảy đồng).

Như vậy, tổng số tiền ông Nguyễn Văn Minh phải nộp là: **525.351.817 đồng** (Bằng chữ: Năm trăm hai mươi lăm triệu ba trăm năm mươi một nghìn tám trăm mười bảy đồng).

Thời gian thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là 45 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do ông Nguyễn Văn Minh tự chi trả.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Văn Minh là cá nhân vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông Nguyễn Văn Minh có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông Nguyễn Văn Minh không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì ông Nguyễn Văn Minh phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp quy định tại khoản 39 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

a) Ông Nguyễn Văn Minh phải nộp tiền phạt vào tài khoản số 7111.2.1046159, chương 405, tiểu mục 4261 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai tại Phòng giao dịch số 13 thuộc Kho bạc Nhà nước Khu vực XV hoặc tại các Ngân hàng thương mại do Kho bạc Nhà nước ủy nhiệm trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này

Sau khi thực hiện, ông Nguyễn Văn Minh có báo cáo kết quả thực hiện Quyết định và kèm chứng từ nộp tiền gửi về Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa để theo dõi và Sở Tài chính để quản lý.

b) Ông Nguyễn Văn Minh có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Phòng giao dịch số 13, thuộc Kho bạc nhà nước khu vực XV để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa để chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn Minh và theo dõi việc chấp hành của ông Nguyễn Văn Minh. Trường hợp ông Nguyễn Văn Minh không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt hành chính, Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan lập thủ tục liên quan đến việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt hành chính đối với ông Nguyễn Văn Minh theo đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

4. Gửi cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó CT. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTNS, KTN.

Vinh ktn nguyen van minh



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hoàng

Quyết định đã giao trực tiếp cho ông Nguyễn Văn Minh là cá nhân bị xử phạt vào hồi
..... giờ phút, ngày/...../2025

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

